TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2025
V/v " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Văn Sửu
2. Ông: Trần Anh Dũng
- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú. Thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B vào ngày 13 tháng 10 năm 2015, có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, vợ chồng sinh sống nhưng không có con chung; vì vậy vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi nhau đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không cải thiện được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị L xin ly hôn anh B.

- Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bản khai của anh Nguyễn Văn B trình bầy: anh kết hôn với chị Hoàng Thị L vào ngày 13/10/2015, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang như chị L trình bầy là đúng. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc do vợ chồng không có con chung nên chị L hay bỏ nhà đi cả tháng mới về, nên vợ chồng hay sảy ra mâu thuẫn, đến tháng 01/2019 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị L xin ly hôn anh B nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung;

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Vợ chồng anh không có nên không yêu câu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị L. Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung, tài sản chung, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị L, anh B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về tiền án phí: chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn B, xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn". Bị đơn anh Nguyễn Văn B có nơi thường trú

xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị L, anh B đã có bản khai và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản khoản 1, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng tiền hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị L kết hôn cùng với anh Nguyễn Văn B vào ngày 13/10/2015, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại điều 9 luật hôn nhân & gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con chung. Nên vợ chồng hay sảy ra mâu thuẫn bất đồng. Chị L chán nản bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 01/2019. Vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị L, xin ly hôn anh B cũng nhất trí, Do chị L, anh B đều có đơn đề nghị HĐXX vắng mặt; Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được việc chị L xin ly hôn anh B là có căn cứ. Cần chấp nhận đơn ly hôn của chị Hoàng Thị L. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

[3] Về con chung: chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn B không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị L, anh B không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tiền án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4, Điều 147; điểm a, khoản 5, Điều 27 nghị Quyết số 236 của UBTVQH 14,ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị L. Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn B

2. Về con chung; chị L, anh B không có con chung.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, chị L, anh B không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về tiền án phí: chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0007055 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyệnTân Yên;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh